

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 11/2018/HSST
Ngày 12-4-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Triều.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hoàng Giang

Ông Nguyễn Minh Trọn

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 07/2018/TLST-HS, ngày 15 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2018/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lê Thị Ngọc D, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1973 tại tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: Khóm X, thị trấn C, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Đ và bà Trần Thị M; bị cáo có chồng có hai con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25 tháng 11 năm 2017 cho đến ngày 07 tháng 3 năm 2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cho bảo lãnh (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Trần Thị Thảo Ng, sinh năm 1999 (vắng mặt).

+ Bà Nguyễn Bé H, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khóm 1, thị trấn Cái Đôi Vàm, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 18 giờ ngày 24 tháng 11 năm 2017, Lê Trung T1, Nguyễn Văn T đến nhà trọ T T 2 ở khóm X, thị trấn C, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau do ông Trần Dương Hoàng S đứng tên đăng ký, vợ Lê Thị Ngọc D là người trực tiếp quản lý để thuê phòng trọ thì được D đưa T1 vào phòng số 2, T vào phòng số 3 để thuê. Do có nhu cầu mua dâm nên T nhờ D gọi đến cho T và T1 02 gái bán dâm thì D đồng ý. Lê Thị Ngọc D gọi điện cho Trần Thị Thảo Ng, sinh ngày 29 tháng 9 năm 1999 vào phòng số 02 bán dâm cho T1, gọi cho Nguyễn Bé H, sinh năm 1993 vào phòng số 03 để bán dâm cho T. Khi T1 và Ng, T và H đang thực hiện hành vi mua bán dâm thì bị lực lượng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Cà Mau bắt quả tang. Quá trình điều tra Lê Thị Ngọc D còn khai nhận ngày 14 tháng 11 năm 2017, Lê Trung T1, Nguyễn Văn T đến nhà trọ T T 2, gặp Lê Thị Ngọc D thuê phòng và kêu D gọi gái mại dâm đến để mua dâm. D gọi điện cho Ng đến phòng số 09 để bán dâm cho T1 và H đến phòng số 7 để bán dâm cho T.

Vật chứng thu giữ:

Thu giữ Lê Thị Ngọc D 26 bao cao su (trong đó 02 cái đã qua sử dụng); 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu trắng bên trong có sim số 01272.700.579; tạm giữ của Trần Thị Thảo Ng 01 điện thoại di động hiệu ITEL màu đen bạc bên trong có sim số 0944.342.133; tạm giữ của Nguyễn Bé H 01 điện thoại di động hiệu Mobell M289 màu đen bên trong có sim số 0869.245.258.

Thu giữ của Trần Dương Hoàng S 01 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 61I8001760, 01 giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự số 20/GCN ngày 20 tháng 10 năm 2013, kèm theo hồ sơ.

Thu giữ của Lê Trung T1, Nguyễn Bé H từ việc mua, bán dâm là 750.000 đồng và số tiền 140.000 đồng Lê Thị Ngọc D nộp tiền thu lợi bất chính.

Tại Cáo trạng số 07/CT-VKS, ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân đã truy tố bị cáo Lê Thị Ngọc D về tội “chứa mại dâm” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 254 của Bộ luật hình sự năm 1999 đã sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 327; điểm r, s khoản 1 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 đã sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Lê Thị Ngọc D từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm 06 tháng tù về tội “chứa mại dâm”.

Tại phiên tòa bị cáo Lê Thị Ngọc D khai nhận: Do muốn lôi kéo khách đến nhà trọ thuê phòng nghỉ nhằm mục đích thu tiền phòng nên vào ngày 14 tháng 11 năm 2017 bị cáo điện thoại cho Trần Thị Thảo Ng và Nguyễn Bé H đến nhà trọ T T 2 do bị cáo quản lý để bán dâm cho Lê Trung T1 và Nguyễn Văn T. Bị cáo thu tiền phong với số tiền 140.000đ. Đến khoảng 18 giờ ngày 24 tháng 11 năm 2017 Lê

Trung T1 và Nguyễn Văn T đến thuê phòng nghỉ và có nhu cầu mua sâm nên bị cáo đã điện thoại cho Trần Thị Thảo Ng và Nguyễn Bé H đến nhà trọ T T 2 để bán sâm cho T1 và T. Trong khi T1 và Ng, T và H đang thực hiện hành vi mua bán sâm thì bị bắt quả tang. Bị cáo chỉ thu tiền phòng trọ không có thu tiền từ người bán sâm. Bị cáo cho rằng rất ăn năn hối cải về hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Phú Tân, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét thấy lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với nội dung bản cáo trạng, phù hợp với vật chứng Cơ quan điều tra thu giữ được, phù hợp với lời khai của những người làm chứng, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 24 tháng 11 năm 2017 của Công an tỉnh Cà Mau (BL 22, 23) và phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định bị cáo Lê Thị Ngọc D đã có hành vi dùng nhà trọ của mình để cho Trần Thị Thảo Ng và Nguyễn Bé H bán sâm cho Lê Trung T1 và Nguyễn Văn T 02 lần nhằm mục đích thu tiền cho thuê phòng trọ. Bị cáo đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên hành vi của bị cáo đã cấu thành tội chứa mại sâm với tình tiết định khung tăng nặng là phạm tội hai lần trở lên.

Do đó Cáo trạng số 07/CT-VKS, ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân đã truy tố bị cáo Lê Thị Ngọc D về tội “chứa mại sâm” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 254 của Bộ luật hình sự năm 1999 đã sửa đổi, bổ sung năm 2009 là có cơ sở, đúng pháp luật.

[3] Về pháp luật áp dụng Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo Lê Thị Ngọc D thực hiện vào tháng 11 năm 2017, nên Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân truy tố bị cáo Lê Thị Ngọc D tội “*chứa mại sâm*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 254 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 là có căn cứ. Tuy nhiên đến ngày xét xử sơ thẩm 12 tháng 4 năm 2018 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 có hiệu lực pháp luật, theo hướng dẫn tại nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 thì áp dụng điều luật tương ứng, quy định hình phạt nhẹ hơn có lợi cho bị cáo. Tại khoản 2 Điều 254 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 quy định

mức hình phạt từ 05 năm đến 15 năm tù còn điểm khoản 2 Điều 327 của Bộ luật hình sự năm 2015 đã sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định mức hình phạt từ 05 năm đến 10 năm tù. Do đó, áp dụng khoản 2 Điều 327 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 để xét xử sẽ có lợi cho bị cáo.

[4] Xét tính chất mức độ hành vi do bị cáo gây ra là rất nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý nhà nước về phòng chống mại dâm, làm ảnh hưởng đến đạo đức, thuần phong mỹ tục, nếp sống văn hóa của dân tộc Việt Nam. Bị cáo biết rõ việc cho người khác mua bán dâm tại nhà trọ do mình kinh doanh là vi phạm pháp luật vì mục đích muốn lôi kéo khách đến nhà trọ của bị cáo mà bị cáo đã liên lạc với người bán dâm đến nhà trọ để bán dâm cho khách thuê phòng trọ; bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, hành vi của bị cáo cần có một hình phạt tương xứng với mức độ nguy hiểm mà bị cáo gây ra và cần cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo lao động, học tập trở thành người có ích cho xã hội đồng thời đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[5] Tuy nhiên, cũng cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo một phần vì sau khi bị cáo bị bắt phạm tội quả tang bị cáo đã tự khai ra lần phạm tội trước đó của bị cáo; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm r, s Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 đã sửa đổi bổ sung năm 2017. Mặt khác, theo Công văn số 04 ngày 09 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Bộ luật hình sự năm 2015 và Nghị Quyết 41 của Quốc Hội thì kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 áp dụng các quy định có lợi cho người phạm tội của Bộ luật hình sự năm 2015. Cụ thể, khung hình phạt áp dụng cho bị cáo theo khoản 2 Điều 327 về tội “chứa mại dâm” của Bộ luật hình sự năm 2015 so với khoản 2 Điều 254 về tội “Chứa mại dâm” của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 thì mức hình phạt đã giảm xuống chỉ còn từ 05 năm tù đến 10 năm tù thay vì 05 năm tù đến 15 năm tù như trước đây. Từ đó cho thấy chuyển biến tình hình xã hội đã có thay đổi, tính chất nguy hiểm của hành vi này đã giảm nên mức cao nhất của khung hình phạt đã giảm từ 15 năm tù theo Bộ luật hình sự năm 1999 xuống còn 10 năm tù theo bộ luật hình sự năm 2015. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Tại phiên tòa đại diện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt như trên đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc nên Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo thấp hơn mức mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị.

[6] Vật chứng của vụ án:

Đối với vật chứng cơ quan điều tra thu giữ là 26 bao cao su (trong đó 02 cái đã qua sử dụng); 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu trắng bên trong có sim số 01272.700.579 của bị cáo Lê Thị Ngọc D. Xét thấy các vật chứng này có liên quan đến việc phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ và tiêu hủy. Đối với 01 điện thoại

di động hiệu OPPO màu trắng bên trong có sim số 01272.700.579 còn giá trị sử dụng nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước. Đối với 26 bao cao su (trong đó 02 cái đã qua sử dụng) không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu ITEL màu đen bạc bên trong có sim số 0944.342.133 của Trần Thị Thảo Ng và 01 điện thoại di động hiệu Mobell M289 màu đen bên trong có sim số 0869.245.258 của Nguyễn Bé H không liên quan đến việc phạm tội mà liên quan đến việc vi phạm hành chính nhưng trong quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã xử lý vi phạm hành chính đối với bà Ng và bà H nhưng không xử lý vật chứng nêu trên nên cần trả lại cho chủ sở hữu các vật chứng nêu trên.

Đối với 01 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6118001760, 01 giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự số 20/GCN ngày 20 tháng 10 năm 2013 thu giữ của Trần Dương Hoàng S, xét thấy không liên quan đến việc phạm tội nên trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã trả lại cho ông Trần Dương Hoàng S nên không xem xét xử lý.

Đối với số tiền thu giữ của Lê Trung T1, Nguyễn Bé H từ việc mua, bán dâm là 750.000đ là tiền liên quan đến việc phạm tội nên tịch thu sung công quỹ nhà nước. Đối với số tiền 140.000đ do bị cáo Lê Thị Ngọc D nộp là tiền bị cáo thu được từ việc cho thuê phòng trọ mà có, tại phiên tòa bị cáo không có yêu cầu nhận lại nên tuyên tịch thu sung công quỹ nhà nước.

[7] Về án phí: Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải nộp 200.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng điểm c khoản 2, khoản 5 Điều 327; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Lê Thị Ngọc D phạm tội “chứa mại dâm”.

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị Ngọc D 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt chấp hành hình phạt được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 25 tháng 11 năm 2017 đến ngày 07 tháng 03 năm 2018.

Phạt bổ sung bị cáo Lê Thị Ngọc D 25.000.000đ sung quỹ nhà nước.

2. Căn cứ Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 26 bao cao su (trong đó 02 cái đã qua sử dụng);

Tịch thu sung công quỹ 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu trắng số IMEI 1: 863886031189432, số IMEI 2: 863886031189432 bên trong có sim số 01272.700.579;

Trả cho Trần Thị Thảo Ng 01 điện thoại di động hiệu ITEL màu đen bạc bên số IMEI: 352430084487993, số IMEI: 352430084487985 bên trong có sim số 0944.342.133;

Trả cho Nguyễn Bé H 01 điện thoại di động hiệu Mobell M289 màu đen, bị bể màn hình số IMEI: 812890624684460 bên trong có sim số 0869.245.258.

Các vật chứng nêu trên hiện do Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân quản lý theo Quyết định chuyển vật chứng số 03/QĐ-VKS ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân và biên bản giao, nhận vật chứng ngày 15 tháng 3 năm 2018 giữa Công an huyện Phú Tân và Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân.

Tịch thu số tiền 890.000đ sung công quỹ nhà nước.

Số tiền nêu trên Công an huyện Phú Tân đã nộp vào tài khoản của Công an huyện Phú Tân số tài khoản: 3949.0.9058744.00000 tại Kho bạc nhà nước huyện Phú Tân theo giấy nộp tiền ngày 01 tháng 12 năm 2017. Công an huyện Phú Tân có trách nhiệm chuyển số tiền nêu trên cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Áp dụng Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Thị Ngọc D phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với Nguyễn Bé H và Trần Thị Thảo Ng có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau (1b);
- VKSND tỉnh Cà Mau
- VKSND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (1b);
- Công an huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (1b);
- Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (1b);
- Bị cáo (1b);
- Các đương sự (1b);
- Lưu hồ sơ, văn thư (1b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Việt Triều